

QUYẾT ĐỊNH

Công bố thủ tục hành chính nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực Kế hoạch và đầu tư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 3973/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025;

Thực hiện Công văn số 5990/VPCP-KSTT ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc công bố, rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 139/TTr-SKHĐT ngày 05 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố 14 thủ tục hành chính nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực Kế hoạch và đầu tư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân

các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- TT TH-CB, P.HC-TC, TTPVHCC;
- Lưu: VT, K3, KSTT^(C).

Thao

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Thanh
Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CỦA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH
NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THUỘC
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CỦA
CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
A	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ CÔNG	
1	Quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C	Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công đối với dự án.
2	Điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C.	Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công đối với dự án.
3	Quyết định đầu tư dự án đầu tư công tại nước ngoài do địa phương quản lý.	Hội đồng thẩm định hoặc đơn vị có chức năng thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.
4	Đề nghị điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Ngân sách Trung ương	Sở Kế hoạch và Đầu tư
5	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Ngân sách địa phương	Các cơ quan, phòng, ban, bộ phận chuyên môn thuộc UBND các cấp.
6	Quyết định đầu tư/ điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản (Đối với chương trình đầu tư công do Hội đồng nhân dân quyết định chủ trương đầu tư).	Các cơ quan, phòng, ban, bộ phận chuyên môn thuộc UBND các cấp.
7	Quyết định, phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án (bao gồm dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để chuẩn bị dự án đầu tư) đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị dự án đầu tư do địa phương quản lý.	Các cơ quan, đơn vị được cơ quan chủ quản giao.
8	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không	Sở Kế hoạch và Đầu tư.

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
	hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh.	
9	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh.	Sở Kế hoạch và Đầu tư
10	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh.	Sở Kế hoạch và Đầu tư
B	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP)	
11	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh)	Hội đồng thẩm định hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định.
12	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh).	Hội đồng thẩm định hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định
C	LĨNH VỰC ĐẦU THẦU	
13	Lựa chọn danh sách ngắn	Các phòng, ban được Chủ đầu tư/ bên mời thầu giao nhiệm vụ.
D	TTHC NỘI BỘ DO UBND CẤP TỈNH QUY ĐỊNH	
14	Đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Bình Định (DDCI)	Sở Kế hoạch và Đầu tư

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CỦA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

A. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ CÔNG

1. Thủ tục: Quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C

a. Trình tự thực hiện:

* Đối với trường hợp: Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình đầu tư công (Điều 39 Luật Đầu tư công và Điều 17, 19, 21 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP):

Bước 1: Căn cứ chủ trương đầu tư đã được Hội đồng nhân dân quyết định, chủ chương trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình và tổ chức thẩm định theo quy định của pháp luật trình Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Bước 2: Ủy ban nhân dân cùng cấp thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao cho cơ quan đơn vị chuyên môn chủ trì thẩm định. Nội dung thẩm định chương trình gồm:

- Sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong nội dung hồ sơ trình thẩm định;
- Sự phù hợp của chương trình với chủ trương đầu tư chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình quy định tại khoản 1 Điều 44 của Luật Đầu tư công;
- Sự phù hợp với nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định; sự phù hợp giữa tổng vốn đầu tư của chương trình với kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; cơ cấu các nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác; khả năng thu hồi vốn và trả nợ trong trường hợp sử dụng vốn vay.

Trong quá trình thẩm định chương trình đầu tư công với những nội dung quy định tại khoản 3 Điều này, Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định rà soát, đối chiếu với các quy định trong quyết định chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chỉ tiêu về quy mô, tổng mức đầu tư của chương trình, bao gồm cơ cấu vốn không được vượt quá mức đã quy định trong quyết định chủ trương đầu tư. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, phải thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Đầu tư công và Điều 11 của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc nội dung trong báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình không phù hợp với các quy định tại Điều 44 của Luật Đầu tư công, trong thời gian không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định có ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan trình thẩm định bổ sung hồ sơ hoặc hoàn chỉnh nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình.

Trường hợp cần gia hạn thời gian thẩm định chương trình, Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định phải báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định

đầu tư chương trình, cho phép gia hạn thời gian thẩm định. Thời gian gia hạn không quá thời gian thẩm định tương ứng được quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.

Bước 3: Căn cứ ý kiến thẩm định của Ủy ban nhân dân, chủ chương trình hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình và dự thảo quyết định đầu tư chương trình trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xem xét, quyết định.

Quyết định chương trình đầu tư công bao gồm các nội dung chủ yếu: mục tiêu, phạm vi và quy mô; tổng mức vốn và cơ cấu nguồn lực thực hiện chương trình bao gồm danh mục dự án, mức cân đối nguồn vốn đầu tư công, huy động các nguồn vốn và nguồn lực khác; kế hoạch bố trí vốn và tiến độ thực hiện chương trình; chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành sau khi chương trình kết thúc; các dự án thành phần của chương trình; giải pháp tổ chức thực hiện;...

** Đối với trường hợp: Lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án (Điều 40 Luật Đầu tư công và Điều 18, 19, 21 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP):*

Bước 1: Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định, chủ đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư;

Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công tổ chức thẩm định dự án;

Nội dung thẩm định dự án gồm: a) Sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong nội dung hồ sơ trình thẩm định; b) Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; c) Nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Đầu tư công; d) Sự phù hợp giữa tổng mức đầu tư của dự án gắn với cân đối vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án; đánh giá các chi phí vận hành, bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa lớn trong quá trình khai thác dự án; đ) Tác động lan tỏa của dự án đến sự phát triển ngành, lĩnh vực, các vùng lãnh thổ và các địa phương; đến tạo thêm nguồn thu ngân sách, việc làm, thu nhập và đời sống người dân; các tác động đến môi trường và phát triển bền vững.

Trong quá trình thẩm định dự án đầu tư công với những nội dung quy định tại các khoản 4, 5 Điều 18 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định phải rà soát, đối chiếu với các quy định trong quyết định chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chỉ tiêu về quy mô, tổng mức đầu tư của dự án, bao gồm cơ cấu vốn không được vượt quá mức đã quy định trong quyết định chủ trương đầu tư.

Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án, phải thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Đầu tư công và Điều 11 của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc nội dung trong báo cáo nghiên cứu khả thi dự án không phù hợp với các quy định tại Điều 44 của Luật Đầu tư công,

trong thời gian không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định có ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan trình thẩm định bổ sung hồ sơ hoặc hoàn chỉnh nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

Trường hợp cần gia hạn thời gian thẩm định dự án, Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định phải báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án cho phép gia hạn thời gian thẩm định. Thời gian gia hạn không quá thời gian thẩm định tương ứng được quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.

Bước 3: Căn cứ ý kiến thẩm định, chủ đầu tư hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đầu tư.

Quyết định dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng bao gồm các nội dung chủ yếu: Tên dự án; chủ đầu tư; tổ chức tư vấn lập dự án (nếu có); mục tiêu, quy mô đầu tư, tiến độ thực hiện dự án; địa điểm; thiết kế công nghệ (nếu có); quy chuẩn kỹ thuật; tổng mức đầu tư; nguồn vốn và dự kiến phân bổ nguồn vốn theo tiến độ; hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng;...

** Lưu ý: Trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án:*

- Địa phương quản lý chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính quyết định đầu tư chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Cơ quan quản lý chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước các cấp địa phương gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư cùng cấp quyết định đầu tư chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (iDesk).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Hồ sơ thẩm định chương trình: (khoản 1 Điều 17 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP):*

- Tờ trình thẩm định chương trình đầu tư công, bao gồm: Sự cần thiết đầu tư chương trình; mục tiêu và những nội dung chủ yếu của báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình; kiến nghị cấp có thẩm quyền quyết định chương trình đầu tư công;

- Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình theo quy định tại khoản 1 Điều 44 của Luật Đầu tư công;

- Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

** Hồ sơ thẩm định dự án không có cấu phần xây dựng (khoản 1 Điều 18 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP):*

- Tờ trình thẩm định dự án, bao gồm: sự cần thiết đầu tư dự án; mục tiêu và những nội dung chủ yếu của báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; kiến nghị cấp có thẩm quyền quyết định dự án đầu tư công;

- Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo quy định tại Điều 44 của Luật Đầu tư công;

- Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tổng hợp ý kiến cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án đối với các dự án theo quy định tại Điều 74 của Luật Đầu tư công;

- Các tài liệu khác có liên quan phục vụ cho việc thẩm định dự án đầu tư công (nếu có).

* *Hồ sơ quyết định đầu tư chương trình, dự án (khoản 1 Điều 20 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP):*

- Tờ trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án và báo cáo nghiên cứu khả thi đã được hoàn thiện theo ý kiến thẩm định;

- Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án của cấp có thẩm quyền;

- Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi;

- Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

* *Số lượng bộ hồ sơ:*

- Số lượng bộ hồ sơ thẩm định chương trình, dự án: 10 bộ;

- Số lượng bộ hồ sơ quyết định đầu tư chương trình, dự án: 02 bộ;

d) Thời hạn giải quyết:

- *Thời hạn thẩm định:* Chương trình đầu tư công: Không quá 45 ngày; dự án nhóm A: Không quá 45 ngày; dự án nhóm B, C: Không quá 30 ngày.

- *Thời hạn quyết định đầu tư:*

+ Chương trình đầu tư công: Không quá 20 ngày;

+ Dự án nhóm A: Không quá 15 ngày;

+ Dự án nhóm B, C: Không quá 10 ngày.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị được giao là Chủ chương trình hoặc chủ đầu tư.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND các cấp.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công đối với dự án.

- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban ngành cấp tỉnh; phòng, ban chuyên môn cấp huyện và các đơn vị có liên quan.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định đầu tư chương trình, dự án.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công năm 2019;

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

2. Tên thủ tục: Điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C.

a) Trình tự thực hiện: (Điều 43 Luật Đầu tư công; Điều 22 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP):

** Đối với trường hợp lập, thẩm định, quyết định điều chỉnh chương trình:*

Bước 1: Chủ chương trình có trách nhiệm:

- Tổ chức đánh giá toàn bộ quá trình thực hiện chương trình, dự án đầu tư công đến thời điểm đề xuất điều chỉnh; báo cáo kết quả đánh giá chương trình, dự án đầu tư công đến cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư;

- Giao cơ quan chuyên môn chuẩn bị báo cáo đề xuất điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công. Báo cáo đề xuất điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công phải nêu rõ những lý do điều chỉnh đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 43 của Luật Đầu tư công;

- Tổ chức thẩm định nội bộ việc điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công;

- Hoàn chỉnh báo cáo đề xuất điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh.

- Trường hợp điều chỉnh làm tăng tổng mức đầu tư dự án lớn hơn tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, phải thực hiện trình tự, thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều 34 của Luật Đầu tư công và Điều 11 Nghị định này trước khi cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự án.

Bước 2: Thẩm định điều chỉnh chương trình: Ủy ban nhân dân tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật Đầu tư công, khoản 2 Điều 45 của Luật Đầu tư công và nội dung thẩm định theo khoản 3 Điều 23 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.

Bước 3: Quyết định điều chỉnh chương trình:

- Căn cứ ý kiến thẩm định của Ủy ban nhân dân, chủ chương trình hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình và dự thảo quyết định đầu tư chương trình trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xem xét, quyết định.

- Nội dung quyết định điều chỉnh chương trình đầu tư công gồm những điều chỉnh tương ứng với các nội dung quyết định chương trình quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định 40/2020/NĐ-CP.

- Trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chương trình:

+ Cơ quan quản lý chương trình sử dụng vốn ngân sách trung ương gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính quyết định đầu tư điều chỉnh chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Cơ quan quản lý chương trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước các cấp

địa phương gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư cùng cấp quyết định điều chỉnh chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

** Đối với trường hợp lập, thẩm định, quyết định điều chỉnh dự án đầu tư công nhóm A, B, C (dự án không có cấu phần xây dựng)*

Bước 1: Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm:

- Tổ chức đánh giá toàn bộ quá trình thực hiện dự án đầu tư công đến thời điểm đề xuất điều chỉnh; báo cáo kết quả đánh giá dự án đầu tư công đến cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư;

- Giao cơ quan chuyên môn chuẩn bị báo cáo đề xuất điều chỉnh dự án đầu tư công. Báo cáo đề xuất điều chỉnh dự án đầu tư công phải nêu rõ những lý do điều chỉnh đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 43 của Luật Đầu tư công;

- Tổ chức thẩm định nội bộ việc điều chỉnh dự án đầu tư công;

- Hoàn chỉnh báo cáo đề xuất điều chỉnh dự án đầu tư công trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh.

- Trường hợp điều chỉnh làm tăng tổng mức đầu tư dự án lớn hơn tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, phải thực hiện trình tự, thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều 34 của Luật Đầu tư công và Điều 11 Nghị định này trước khi cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự án.

Bước 2: Thẩm định điều chỉnh dự án:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công tổ chức thẩm định.

- Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công thẩm định các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 44, khoản 2 Điều 45 của Luật Đầu tư công và nội dung thẩm định theo khoản 4 Điều 23 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc nội dung trong điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án không phù hợp với các quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Đầu tư công, trong thời gian không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định có ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan trình thẩm định bổ sung hồ sơ hoặc hoàn chỉnh nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án.

- Trường hợp cần gia hạn thời gian thẩm định điều chỉnh chương trình, dự án; Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định phải báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án cho phép gia hạn thời gian thẩm định. Thời gian gia hạn không quá thời gian thẩm định tương ứng được quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Đầu tư công.

Bước 3: Quyết định điều chỉnh dự án:

- Căn cứ ý kiến thẩm định, chủ đầu tư hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đầu tư.

- Nội dung quyết định điều chỉnh dự án đầu tư công gồm những điều

chính tương ứng với các nội dung quyết định dự án quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định 40/2020/NĐ-CP.

- Trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự án:

+ Cơ quan quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính quyết định đầu tư điều chỉnh dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Cơ quan quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước các cấp địa phương gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư cùng cấp quyết định điều chỉnh dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (iDesk).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- *Hồ sơ thẩm định điều chỉnh Chương trình:*

+ Tờ trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chương trình, trong đó làm rõ mục tiêu, lý do điều chỉnh theo quy định tại các khoản 1 Điều 43 của Luật Đầu tư công;

+ Quyết định chủ trương đầu tư chương trình; quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình (nếu có);

+ Quyết định đầu tư chương trình; quyết định đầu tư chương trình điều chỉnh trước đó (nếu có);

+ Báo cáo thẩm định nội bộ đề xuất điều chỉnh chương trình và các báo cáo thẩm định khác theo quy định của pháp luật (nếu có);

+ Báo cáo kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện chương trình.

+ Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

- *Hồ sơ thẩm định điều chỉnh dự án đầu tư công nhóm A, B, C (dự án không có cấu phần xây dựng):*

+ Tờ trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự án, trong đó làm rõ mục tiêu, lý do điều chỉnh theo quy định tại các khoản 2 Điều 43 của Luật Đầu tư công;

+ Quyết định chủ trương đầu tư dự án; quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án (nếu có);

+ Quyết định đầu tư dự án; quyết định đầu tư dự án điều chỉnh trước đó (nếu có);

+ Báo cáo thẩm định nội bộ đề xuất điều chỉnh dự án và các báo cáo thẩm định khác theo quy định của pháp luật (nếu có);

+ Báo cáo kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện dự án.

+ Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

- Hồ sơ quyết định điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, C (dự án không có cấu phần xây dựng):

+ Tờ trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chương trình, dự án.

+ Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án; quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án (nếu có);

+ Quyết định đầu tư chương trình, dự án; quyết định đầu tư chương trình, dự án điều chỉnh trước đó (nếu có);

+ Báo cáo thẩm định nội bộ đề xuất điều chỉnh chương trình, dự án và các báo cáo thẩm định khác theo quy định của pháp luật (nếu có);

+ Báo cáo kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện chương trình, dự án.

+ Báo cáo thẩm định điều chỉnh chương trình, dự án.

+ Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

*** Số lượng:**

- Số lượng bộ hồ sơ thẩm định chương trình, dự án: 10 bộ;

- Số lượng bộ hồ sơ quyết định đầu tư chương trình, dự án: 02 bộ;

d) Thời hạn giải quyết:

* Thời hạn thẩm định:

- Chương trình đầu tư công: Không quá 45 ngày;

- Dự án nhóm A: Không quá 45 ngày;

- Dự án nhóm B, C: Không quá 30 ngày.

* Thời hạn quyết định điều chỉnh chương trình, dự án :

- Chương trình đầu tư công: Không quá 20 ngày;

- Dự án nhóm A: Không quá 15 ngày;

- Dự án nhóm B, C: Không quá 10 ngày.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị được giao là Chủ chương trình hoặc chủ đầu tư.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND các cấp.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công đối với dự án.

- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban ngành cấp tỉnh; phòng, ban chuyên môn cấp huyện và các đơn vị có liên quan.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định Điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công năm 2019;

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy định

chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

3. Tên thủ tục: Quyết định đầu tư dự án đầu tư công tại nước ngoài do địa phương quản lý.

a) Trình tự, cách thức thực hiện:

Đối với dự án do địa phương quản lý:

- Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp giao chủ đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án;

- Chủ đầu tư căn cứ ý kiến thẩm định, hoàn thiện báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp xem xét, quyết định đầu tư dự án.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (iDesk).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND các cấp.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục: Hội đồng thẩm định hoặc đơn vị có chức năng thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban ngành cấp tỉnh; phòng, ban chuyên môn cấp huyện và các đơn vị có liên quan.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định tại pháp luật về đầu tư công.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: đảm bảo đủ hồ sơ, quyết định đầu tư ban hành đúng đầy đủ trình tự thủ tục các pháp luật liên quan

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật Đầu tư công năm 2019,

Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

4. Tên thủ tục: Đề nghị điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Ngân sách Trung ương

a) Trình tự thực hiện: (Điều 67, Điều 83 Luật Đầu tư công số

39/2019/QH14 và Điều 46 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công):

1) Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ sự cần thiết, yêu cầu về tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các chủ đầu tư và các đơn vị liên quan rà soát, đề xuất phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

(2) Trên cơ sở đề xuất của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến về danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án trước khi gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương để tổng hợp, thẩm định.

(3) Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

- Chủ trì thẩm định phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giữa tỉnh với các địa phương khác trong cả nước, báo cáo Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định;

- Chủ trì thẩm định phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương trong nội bộ và giữa các ngành, lĩnh vực, chương trình của tỉnh, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (iDesk).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm giữa các dự án trong nội bộ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương trước ngày 15 tháng 11 năm kế hoạch.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan trung ương.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư

+ Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các đơn vị liên quan.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: văn bản hành chính, Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Danh mục dự án có

thủ tục đầu tư, thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công.

h) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công;
- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020.

5. Thủ tục: Đề nghị điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Ngân sách địa phương

a) Trình tự thực hiện: Căn cứ Điều 67 Luật Đầu tư công và Điều 46 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

- Hội đồng nhân dân các cấp điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách địa phương trong các trường hợp: (a) Do điều chỉnh mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; (b) Do thay đổi đột biến về cân đối thu ngân sách địa phương hoặc khả năng huy động các nguồn vốn của địa phương; (c) Do thay đổi nhu cầu sử dụng hoặc khả năng triển khai thực hiện vốn kế hoạch hằng năm giữa các cơ quan, đơn vị của địa phương.

- Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ sự cần thiết, yêu cầu về tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án, giao cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư công rà soát, đề xuất phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách địa phương để đầu tư giữa các ngành, lĩnh vực, chương trình và trong nội bộ các ngành, lĩnh vực, chương trình của các đơn vị sử dụng các nguồn vốn này và báo cáo HĐND cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (iDesk).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm giữa các dự án trong nội bộ của địa phương trước ngày 15 tháng 11 năm kế hoạch

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: HĐND, UBND các cấp.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Các cơ quan, phòng, ban, bộ phận chuyên môn thuộc UBND các cấp.

+ Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các cơ quan, phòng, ban, bộ phận có liên quan thuộc UBND các cấp.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Nghị quyết của HĐND và Quyết định của UBND các cấp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Danh mục dự án có thủ tục đầu tư, thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công
- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020.

6. Tên thủ tục: Quyết định đầu tư/ điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản (Đối với chương trình đầu tư công do Hội đồng nhân dân quyết định chủ trương đầu tư)

a) Trình tự thực hiện: Căn cứ Điều 20, 21, 22 Nghị định số Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn tài trợ nước ngoài.

- Căn cứ chủ trương đầu tư đã được Hội đồng nhân dân quyết định, chủ chương trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình và tổ chức thẩm định theo quy định của pháp luật trình Ủy ban nhân dân cùng cấp.

- Ủy ban nhân dân tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 44 và khoản 2 Điều 45 của Luật Đầu tư công.

- Căn cứ ý kiến thẩm định của Ủy ban nhân dân, chủ chương trình hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình và dự thảo quyết định đầu tư chương trình trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xem xét, quyết định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (iDesk).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Tờ trình thẩm định chương trình, dự án.
- Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án.
- Các tài liệu khác có liên quan.

* *Số lượng hồ sơ:* Không quy định

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các tổ chức.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan chủ quản (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số Nghị định số 114/2021/NĐ-CP) và chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư chương trình, dự án.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Các cơ quan, đơn vị được cơ quan chủ quản giao.

+ Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các cơ quan, phòng, ban, bộ phận có liên quan thuộc UBND các cấp.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định đầu tư/điều chỉnh chương trình, dự án.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công;

- Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn tài trợ nước ngoài.

7. Tên thủ tục: Quyết định, phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án (bao gồm dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để chuẩn bị dự án đầu tư) đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị dự án đầu tư do địa phương quản lý.

a) Trình tự thực hiện: Căn cứ Điều 26 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn tài trợ nước ngoài; khoản 18 Điều 1 Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP.

- Cơ quan chủ quản chủ trì thẩm định; có văn bản gửi lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các cơ quan có liên quan kèm theo Văn kiện dự án, phi dự án và các tài liệu liên quan khác (nếu có);

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có văn bản góp ý về những nội dung của Văn kiện dự án, phi dự án và những vấn đề cần thiết có liên quan, trong đó lưu ý các nội dung: sự cần thiết và các mục tiêu, kết quả chủ yếu; nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, cơ chế tài chính; điều kiện của nhà tài trợ nước ngoài (nếu có) và khả năng đáp ứng của phía Việt Nam;

- Nội dung thẩm định dự án, phi dự án gồm: sự phù hợp của dự án, phi dự án với mục tiêu phát triển cụ thể của bộ, ngành, địa phương, đơn vị thực hiện và thụ hưởng; sự phù hợp của phương thức tổ chức thực hiện; vốn và khả năng cân đối vốn, cơ chế tài chính; tính hợp lý trong cơ cấu ngân sách dành cho các hạng mục chủ yếu; cam kết, điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác của nhà tài trợ nước ngoài và các bên tham gia (nếu có); hiệu quả, khả năng vận dụng kết quả vào thực tiễn và tính bền vững sau khi kết thúc; những ý kiến đã được thống nhất hoặc còn khác nhau giữa các bên;

- Căn cứ kết quả thẩm định, người đứng đầu cơ quan chủ quản quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án. Đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị dự án đầu tư do địa phương quản lý, căn cứ kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân

tình trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt Văn kiện dự án.

- Trường hợp dự án, phi dự án có quy mô vốn ODA không hoàn lại từ 200.000 đô la Mỹ trở xuống, người đứng đầu cơ quan chủ quản phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án và không bắt buộc phải lấy ý kiến của các cơ quan liên quan.

- Sau khi Văn kiện dự án, phi dự án được phê duyệt, cơ quan chủ quản thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan kèm theo Văn kiện dự án, phi dự án đã được phê duyệt có đóng dấu giáp lai của cơ quan chủ quản và các tài liệu liên quan để giám sát và phối hợp thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (iDesk).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản trình phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án của chủ dự án;

- Dự thảo Văn kiện dự án, phi dự án;

- Văn bản góp ý của các cơ quan liên quan;

- Các tài liệu liên quan khác (nếu có) như: văn bản của nhà tài trợ thống nhất với nội dung dự án, phi dự án, thông báo hoặc cam kết xem xét tài trợ, văn bản ghi nhớ với nhà tài trợ, báo cáo của đoàn chuyên gia thẩm định thực hiện theo yêu cầu của nhà tài trợ.

* Số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết: Thời hạn thẩm định Văn kiện dự án, phi dự án là không quá 20 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các tổ chức.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: HĐND cấp tỉnh, Cơ quan chủ quản.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Các cơ quan, đơn vị được cơ quan chủ quản giao.

+ Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các cơ quan, phòng, ban, bộ phận có liên quan thuộc UBND các cấp.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Theo mẫu tại Phụ lục V, VI kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công;
- Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn tài trợ nước ngoài;
- Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP.

8. Tên thủ tục: Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh.

a) Trình tự thực hiện: Căn cứ Điều 7, 8, 9, 10, 11, 16 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

- Chủ khoản viện trợ lập văn kiện chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

- Chủ khoản viện trợ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh văn bản đề nghị phê duyệt chương trình, dự án.

- Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thụ lý hồ sơ.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi bộ hồ sơ tới Sở Tài chính, Công an tỉnh và các sở, ban, ngành có chức năng liên quan ở địa phương để xin ý kiến. Trường hợp nội dung khoản viện trợ vượt quá thẩm quyền quản lý của địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để gửi lấy ý kiến của các bộ, ngành có liên quan. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư đánh giá:

+ Tính phù hợp của mục tiêu chương trình, dự án với mục tiêu phát triển cụ thể của bộ, ngành, địa phương, đơn vị thực hiện và thụ hưởng chương trình, dự án;

+ Tư cách pháp nhân của các bên cung cấp viện trợ và bên tiếp nhận viện trợ và tính hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam của các tổ chức, cá nhân có liên quan; sự phù hợp giữa mục đích viện trợ và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của bên tiếp nhận viện trợ;

+ Khả năng tiếp nhận, tổ chức thực hiện của Chủ khoản viện trợ; Khả năng đóng góp đối ứng của phía Việt Nam;

+ Các nội dung về cơ chế tài chính trong nước đối với viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước; Tính hợp lý trong cơ cấu ngân sách của chương trình, dự án dành cho các hạng mục chủ yếu của chương trình, dự án;

+ Những cam kết, điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác của các bên tham gia;

+ Hiệu quả, tác động về kinh tế - xã hội, an ninh, trật tự xã hội, khả năng vận dụng kết quả chương trình, dự án vào thực tiễn và tính bền vững của chương

trình, dự án sau khi kết thúc.

+ Sở Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến kết luận làm cơ sở để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt chương trình, dự án với các nội dung: Tên chương trình, dự án; tên cơ quan chủ quản, chủ chương trình, dự án, Bên cung cấp viện trợ, đồng cung cấp viện trợ nước ngoài; mục tiêu và kết quả chủ yếu; thời gian và địa điểm thực hiện; tổng vốn của chương trình, dự án; cơ chế tài chính trong nước; phương thức quản lý thực hiện.

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày cấp có thẩm quyền ban hành quyết định phê duyệt khoản viện trợ, cơ quan chủ quản thông báo cho Bên cung cấp viện trợ về quyết định phê duyệt khoản viện trợ, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan Quyết định phê duyệt của cơ quan chủ quản để giám sát và phối hợp thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (iDesk).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thẩm định và trình xem xét, quyết định phê duyệt chương trình, dự án.

- Văn bản đề nghị phê duyệt chương trình, dự án;

- Văn bản nhất trí cung cấp viện trợ của Bên cung cấp viện trợ.

- Văn kiện chương trình, dự án;

- Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (không áp dụng với trường hợp Bên cung cấp viện trợ là các cơ quan đại diện ngoại giao, các cơ quan thuộc chính phủ, chính quyền địa phương nước ngoài).

+ Đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đã đăng ký tại Việt Nam: Bản sao Giấy đăng ký do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp;

+ Đối với cá nhân cung cấp viện trợ: Bản sao công chứng hộ chiếu còn hiệu lực;

+ Đối với các bên cung cấp viện trợ khác: Bản sao công chứng giấy tờ hợp lệ chứng minh địa vị pháp lý của tổ chức.

* *Số lượng hồ sơ:* 06 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thẩm định: không quá 20 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian phê duyệt: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- + Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- + Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- + Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt chương trình, dự án

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn kiện chương trình, dự án theo Phụ lục I (kèm theo Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

- Quyết định số 17/2022/QĐ-UBND ngày 13/04/2022 của UBND tỉnh Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bình Định.

9. Tên thủ tục: Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh.

a) Trình tự thực hiện: Căn cứ Điều 7, 8, 9, 10, 11, 16 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

- Chủ khoản viện trợ lập văn kiện chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài. Đối với dự án viện trợ có nội dung đầu tư công, đầu tư xây dựng phải được xây dựng theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư công và đầu tư xây dựng công trình

- Chủ khoản viện trợ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh văn bản đề nghị phê duyệt chương trình, dự án.

- Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thụ lý hồ sơ.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi bộ hồ sơ tới Sở Tài chính, Công an tỉnh và các sở, ban, ngành có chức năng liên quan ở địa phương để xin ý kiến. Trường hợp nội dung khoản viện trợ vượt quá thẩm quyền quản lý của địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để gửi lấy ý kiến của các bộ, ngành có liên quan. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư đánh giá:

+ Đối với dự án viện trợ có nội dung đầu tư công, đầu tư xây dựng phải

theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư công và đầu tư xây dựng công trình.

+ Tính phù hợp của mục tiêu chương trình, dự án với mục tiêu phát triển cụ thể của bộ, ngành, địa phương, đơn vị thực hiện và thụ hưởng chương trình, dự án;

+ Tư cách pháp nhân của các bên cung cấp viện trợ và bên tiếp nhận viện trợ và tính hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam của các tổ chức, cá nhân có liên quan; sự phù hợp giữa mục đích viện trợ và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của bên tiếp nhận viện trợ;

+ Khả năng tiếp nhận, tổ chức thực hiện của Chủ khoản viện trợ; Khả năng đóng góp đối ứng của phía Việt Nam;

+ Các nội dung về cơ chế tài chính trong nước đối với viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước; Tính hợp lý trong cơ cấu ngân sách của chương trình, dự án dành cho các hạng mục chủ yếu của chương trình, dự án;

+ Những cam kết, điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác của các bên tham gia;

+ Hiệu quả, tác động về kinh tế - xã hội, an ninh, trật tự xã hội, khả năng vận dụng kết quả chương trình, dự án vào thực tiễn và tính bền vững của chương trình, dự án sau khi kết thúc.

+ Sở Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến kết luận làm cơ sở để báo cáo Cơ quan chủ quản.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt chương trình, dự án với các nội dung: Tên chương trình, dự án; tên cơ quan chủ quản, chủ chương trình, dự án, Bên cung cấp viện trợ, đồng cung cấp viện trợ nước ngoài; mục tiêu và kết quả chủ yếu; thời gian và địa điểm thực hiện; tổng vốn của chương trình, dự án; cơ chế tài chính trong nước; phương thức quản lý thực hiện.

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày cấp có thẩm quyền ban hành quyết định phê duyệt khoản viện trợ, cơ quan chủ quản thông báo cho Bên cung cấp viện trợ về quyết định phê duyệt khoản viện trợ, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan Quyết định phê duyệt của cơ quan chủ quản để giám sát và phối hợp thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (iDesk).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần:*

- Văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thẩm định và trình xem xét, quyết định phê duyệt chương trình, dự án (kèm theo dự thảo Quyết định của UBND tỉnh).

- Văn bản đề nghị phê duyệt chương trình, dự án;

- Văn bản nhất trí cung cấp viện trợ của Bên cung cấp viện trợ.
- Văn kiện chương trình, dự án;
- Văn kiện chương trình, dự án phải được xây dựng theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư công và đầu tư xây dựng công trình.
- Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (không áp dụng với trường hợp Bên cung cấp viện trợ là các cơ quan đại diện ngoại giao, các cơ quan thuộc chính phủ, chính quyền địa phương nước ngoài).

+ Đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đã đăng ký tại Việt Nam: Bản sao Giấy đăng ký do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp;

+ Đối với cá nhân cung cấp viện trợ: Bản sao công chứng hộ chiếu còn hiệu lực;

+ Đối với các bên cung cấp viện trợ khác: Bản sao công chứng giấy tờ hợp lệ chứng minh địa vị pháp lý của tổ chức.

* *Số lượng hồ sơ*: 06 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thẩm định: không quá 20 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian phê duyệt: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- + Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- + Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- + Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt chương trình, dự án

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn kiện chương trình, dự án theo Phụ lục II (kèm theo Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

- Quyết định số 17/2022/QĐ-UBND ngày 13/04/2022 của UBND tỉnh Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bình Định.

10. Tên thủ tục: Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh.

a) Trình tự thực hiện: Căn cứ Điều 7, 8, 9, 10, 11, 16 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

- Chủ khoản viện trợ lập văn kiện phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

- Chủ khoản viện trợ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh văn bản đề nghị phê duyệt chương trình, dự án.

- Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thụ lý hồ sơ.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi bộ hồ sơ tới Sở Tài chính, Công an tỉnh và các sở, ban, ngành có chức năng liên quan ở địa phương để xin ý kiến. Trường hợp nội dung khoản viện trợ vượt quá thẩm quyền quản lý của địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để gửi lấy ý kiến của các bộ, ngành có liên quan. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư đánh giá:

+ Tính phù hợp của mục tiêu tiếp nhận phi dự án với mục tiêu phát triển cụ thể của bộ, ngành, địa phương, đơn vị thực hiện và thụ hưởng;

+ Tư cách pháp nhân của các bên cung cấp viện trợ và bên tiếp nhận viện trợ và tính hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam của các tổ chức, cá nhân có liên quan; sự phù hợp giữa mục đích viện trợ và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của bên tiếp nhận viện trợ;

+ Khả năng tiếp nhận, tổ chức thực hiện của Chủ khoản viện trợ; Khả năng đóng góp đối ứng của phía Việt Nam;

+ Các nội dung về cơ chế tài chính trong nước đối với viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước;

+ Những cam kết, điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác của các bên tham gia;

+ Hiệu quả, tác động về kinh tế - xã hội, an ninh, trật tự xã hội, khả năng vận dụng kết quả vào thực tiễn và tính bền vững và hiệu quả của viện trợ phi dự án sau khi kết thúc.

+ Sở Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến kết luận làm cơ sở để báo cáo Cơ quan chủ quản.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt phi dự án với các nội dung: Tên phi dự án; tên cơ quan chủ quản, chủ chương trình, dự án, Bên cung cấp viện trợ, đồng cung cấp viện trợ nước ngoài; mục tiêu và kết quả chủ yếu; thời gian và địa điểm thực hiện; tổng vốn của phi dự án; cơ chế tài chính trong nước; phương thức quản lý thực hiện.

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày cấp có thẩm quyền ban hành quyết định phê duyệt khoản viện trợ, cơ quan chủ quản thông báo cho Bên cung cấp viện trợ về quyết định phê duyệt khoản viện trợ, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan Quyết định phê duyệt của cơ quan chủ quản để giám sát và phối hợp thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (iDesk).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

* **Thành phần:**

- Văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thẩm định và trình xem xét, quyết định phê duyệt phi dự án;

- Văn bản đề nghị phê duyệt phi dự án;

- Văn bản nhất trí cung cấp viện trợ của Bên cung cấp viện trợ.

- Văn kiện phi dự án;

- Chứng thư giám định chất lượng hàng hóa được cấp bởi tổ chức giám định hợp pháp và đủ năng lực được Việt Nam hoặc nước sở tại công nhận. Chứng thư giám định phải nêu kết luận về chất lượng của hàng hóa, thiết bị, phương tiện vận tải đạt yêu cầu của tiêu chuẩn Việt Nam hoặc đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn tương đương được Việt Nam chấp nhận.

- Đối với khoản viện trợ phi dự án là các phương tiện vận tải đã qua sử dụng, cần có thêm các văn bản sau: bản dịch tiếng Việt đã được công chứng của bản đăng ký hoặc Giấy chứng nhận sở hữu phương tiện của Bên cung cấp viện trợ; bản dịch tiếng Việt đã được công chứng của giấy Chứng nhận đăng kiểm của cơ quan có thẩm quyền của nước Bên cung cấp viện trợ. Trong trường hợp có phương tiện tạm nhập tái xuất thì cần có Giấy Chứng nhận đăng kiểm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

- Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (không áp dụng với trường hợp Bên cung cấp viện trợ là các cơ quan đại diện ngoại giao, các cơ quan thuộc chính phủ, chính quyền địa phương nước ngoài).

+ Đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đã đăng ký tại Việt Nam: Bản sao Giấy đăng ký do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp;

+ Đối với cá nhân cung cấp viện trợ: Bản sao công chứng hộ chiếu còn hiệu lực;

+ Đối với các bên cung cấp viện trợ khác: Bản sao công chứng giấy tờ hợp lệ chứng minh địa vị pháp lý của tổ chức.

* **Số lượng hồ sơ:** 06 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thẩm định: không quá 20 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian phê duyệt: Không quy định

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

+ Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt chương trình, dự án

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn kiện phi dự án theo Phụ lục III (kèm theo Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

- Quyết định số 17/2022/QĐ-UBND ngày 13/04/2022 của UBND tỉnh Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bình Định.

B. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP)

11. Tên thủ tục: Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Lập báo cáo nghiên cứu khả thi (theo quy định tại Điều 19 Luật PPP). Đơn vị chuẩn bị dự án PPP lập báo cáo nghiên cứu khả thi căn cứ quyết định chủ trương đầu tư.

Bước 2: Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi.

Hội đồng thẩm định hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định.

Nội dung thẩm định theo khoản 2 Điều 20 Luật PPP

Bước 3: Quyết định phê duyệt dự án PPP.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (iDesk).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP gồm:
 - + Văn bản đề nghị thẩm định;
 - + Dự thảo tờ trình đề nghị phê duyệt dự án;
 - + Báo cáo nghiên cứu khả thi;
 - + Quyết định chủ trương đầu tư (hoặc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, nếu có);
 - + Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án.
 - Hồ sơ đề nghị phê duyệt dự án PPP bao gồm:
 - + Tờ trình đề nghị phê duyệt dự án.
 - + Dự thảo quyết định phê duyệt dự án.
 - + Báo cáo nghiên cứu khả thi.
 - + Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi.
 - + Quyết định chủ trương đầu tư.
 - + Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án.
- * *Số lượng*: 10 bộ. Trường hợp cần thiết có thể yêu cầu bổ sung số lượng hồ sơ theo yêu cầu thực tế.

d) Thời hạn giải quyết:

Thời hạn thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi: Không quá 60 ngày (điểm b khoản 1 Điều 26 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP).

Thời hạn phê duyệt dự án PPP: Không quá 15 ngày (điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị chuẩn bị dự án PPP là đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Hội đồng thẩm định hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định.
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Báo cáo thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP.
- Quyết định phê duyệt dự án PPP.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP bao gồm:

- Phụ lục III - Mẫu số 01: Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP;
- Phụ lục III - Mẫu số 02: Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP;
- Phụ lục III - Mẫu số 03: Quyết định phê duyệt dự án PPP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020;

- Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

- Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ Quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

12. Tên thủ tục: Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh).

a) Trình tự thực hiện: (theo Điều 19, 20, 21 và 23 Luật PPP)

Bước 1: Lập điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi.

- Báo cáo nghiên cứu khả thi được điều chỉnh trong các trường hợp sau đây:

+ Dự án bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng;

+ Xuất hiện các yếu tố mang lại hiệu quả cao hơn về tài chính, kinh tế - xã hội cho dự án;

+ Quy hoạch, chính sách, pháp luật có liên quan thay đổi gây ảnh hưởng trực tiếp đến mục tiêu, địa điểm, quy mô của dự án;

+ Không lựa chọn được nhà đầu tư thực hiện dự án.

- Trường hợp điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dẫn đến thay đổi mục tiêu, quy mô, địa điểm, loại hợp đồng dự án PPP, tăng tổng mức đầu tư từ 10% trở lên hoặc tăng giá trị vốn nhà nước trong dự án PPP thì phải thực hiện trình tự, thủ tục quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án.

- Đơn vị chuẩn bị dự án PPP lập tờ trình đề nghị điều chỉnh dự án, gửi cơ quan có thẩm quyền.

Bước 2: Thẩm định điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi

Hội đồng thẩm định hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định.

Nội dung thẩm định theo quy định tại Điều 20 của Luật PPP.

Bước 3: Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt điều chỉnh dự án PPP.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (iDesk).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ đề nghị thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP bao gồm:

- + Tờ trình đề nghị phê duyệt điều chỉnh dự án;
- + Nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi;
- + Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án
- Hồ sơ đề nghị phê duyệt điều chỉnh dự án PPP bao gồm:
 - + Tờ trình đề nghị phê duyệt điều chỉnh dự án;
 - + Nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi;
 - + Báo cáo thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi;
 - + Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án.

* *Số lượng*: 10 bộ, trường hợp cần thiết có thể yêu cầu bổ sung số lượng hồ sơ theo yêu cầu thực tế.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn thẩm định: Không quá 60 ngày.
- Thời hạn phê duyệt: Không quá 15 ngày.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị chuẩn bị dự án PPP.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Hội đồng thẩm định hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Báo cáo thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP;

Quyết định phê duyệt nội dung điều chỉnh dự án PPP.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Trường hợp áp dụng Mẫu số 01, 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP, đơn vị chuẩn bị dự án, Hội đồng thẩm định hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định sắp xếp, lựa chọn các nội dung phù hợp:

- Phụ lục III - Mẫu số 01: Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP;
- Phụ lục III - Mẫu số 02: Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP;

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020;
- Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;
- Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ Quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

C. LĨNH VỰC ĐẤU THẦU

13. Tên thủ tục: Lựa chọn danh sách ngắn

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Lựa chọn danh sách ngắn

- Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, người có thẩm quyền quyết định áp dụng thủ tục lựa chọn danh sách ngắn. Việc áp dụng thủ tục lựa chọn danh sách ngắn phải được ghi trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Lựa chọn danh sách ngắn đối với đấu thầu rộng rãi: Chủ đầu tư, bên mời thầu thực hiện việc lập, thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển, thông báo mời sơ tuyển, phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, tiếp nhận và quản lý hồ sơ dự sơ tuyển, mở và đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

- Lựa chọn danh sách ngắn đối với đấu thầu hạn chế: Chủ đầu tư xác định, danh sách ngắn gồm tối thiểu 03 nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của gói thầu và có nhu cầu tham dự thầu. Trường hợp có ít hơn 03 nhà thầu đáp ứng yêu cầu thì xử lý tình huống theo quy định tại khoản 3 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP;

Bước 2. Trình tự thẩm định danh sách ngắn

- Đối với đấu thầu rộng rãi:

+ Trên cơ sở báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, bên mời thầu trình phê duyệt kết quả sơ tuyển, trong đó nêu rõ ý kiến của bên mời thầu về các nội dung đánh giá của tổ chuyên gia.

+ Kết quả sơ tuyển được thẩm định theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 130 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

- Đối với đấu thầu hạn chế: Không quy định.

Bước 3. Phê duyệt danh sách ngắn

- Đối với đấu thầu rộng rãi: Chủ đầu tư phê duyệt danh sách ngắn (kết quả sơ tuyển). Trường hợp lựa chọn được danh sách ngắn, văn bản phê duyệt kết quả sơ tuyển bao gồm tên các nhà thầu trúng sơ tuyển và các nội dung cần lưu ý (nếu có). Trường hợp không lựa chọn được danh sách ngắn, văn bản phê duyệt kết quả sơ tuyển phải nêu rõ lý do không lựa chọn được danh sách ngắn.

- Đối với đấu thầu hạn chế: Trên cơ sở xác định danh sách ngắn, chủ đầu tư phê duyệt danh sách ngắn gồm tối thiểu 03 nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của gói thầu và có nhu cầu tham dự thầu. Trường hợp có ít hơn 03 nhà thầu đáp ứng yêu cầu thì xử lý tình huống theo quy định tại khoản 3 Điều 131 của Nghị định này;

Bước 4. Công khai danh sách ngắn

- Đối với đấu thầu rộng rãi: Bên mời thầu đăng tải danh sách ngắn theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 4 Điều 8 của Luật Đấu thầu và thông báo đến các nhà thầu nộp hồ sơ dự sơ tuyển.

- Đối với đấu thầu hạn chế: Bên mời thầu đăng tải danh sách ngắn được đăng tải theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 4 Điều 8 của Luật Đấu thầu.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (iDesk).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

(1) Đối với đấu thầu rộng rãi:

+ Hồ sơ trình thẩm định danh sách ngắn: Tờ trình phê duyệt danh sách ngắn; Hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ dự sơ tuyển; Báo cáo kết quả đánh giá; Các tài liệu có liên quan.

+ Hồ sơ trình phê duyệt danh sách ngắn: Tờ trình phê duyệt danh sách ngắn; Hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ dự sơ tuyển; Báo cáo kết quả đánh giá; Báo cáo thẩm định kết quả sơ tuyển; Dự thảo quyết định phê duyệt danh sách ngắn; Các tài liệu có liên quan.

(2) Đối với đấu thầu hạn chế:

Hồ sơ trình phê duyệt danh sách ngắn: Văn bản xác định danh sách ngắn; Dự thảo Quyết định phê duyệt danh sách ngắn.

* Số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Theo tiến độ gói thầu.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư/ bên mời thầu.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ đầu tư.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Các phòng, ban được Chủ đầu tư/ bên mời thầu giao nhiệm vụ.
- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt danh sách ngắn.

h) Phí, lệ phí: Chi phí thẩm định danh sách ngắn (đối với trường hợp hồ sơ mời sơ tuyển) được tính bằng 0,06% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 2.000.000 đồng và tối đa là 30.000.000 đồng (điểm b khoản 4 Điều 12 Nghị định 24/2024/NĐ-CP).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Hồ sơ mời sơ tuyển qua mạng áp dụng theo Mẫu số 3C, 4C, 5C ban hành kèm theo Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Đối với hồ sơ mời sơ tuyển không qua mạng, chủ đầu tư chỉnh sửa các Mẫu số 3C, 4C, 5C ban hành kèm theo Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để phù hợp với cách thức tổ chức lựa chọn nhà thầu không qua mạng.

- Mẫu báo cáo thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển, thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển được vận dụng các mẫu quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trên cơ sở bảo đảm không trái quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đáp ứng các quy định về bảo đảm cạnh tranh theo Điều Luật đấu thầu năm 2023.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023.
- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.
- Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
- Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu.

D. TTHC NỘI BỘ UBND CẤP TỈNH QUY ĐỊNH

14. Tên thủ tục: Đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Bình Định (DDCI)

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Lấy ý kiến đóng góp của các Sở, ban, ngành và địa phương về điều chỉnh, bổ sung Bộ tiêu chí đánh giá DDCI.

Bước 2: Hoàn thiện Bộ tiêu chí, lập kế hoạch thực hiện trình UBND tỉnh phê duyệt

Bước 3: Thu thập danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh có tương tác, thực hiện TTHC trong thời kỳ đánh giá từ các Sở, ban, ngành và địa phương cung cấp.

Bước 4: Triển khai khảo sát.

Bước 5: Phúc tra phiếu khảo sát, nhập thông tin, xử lý số liệu từ phiếu khảo sát

Bước 6: Hoàn thiện báo cáo kết quả đánh giá

Bước 7: Trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả đánh giá, Công bố kết quả xếp hạng.

b) Cách thức thực hiện: không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ

- Văn bản đề nghị các sở, ban, ngành và địa phương góp ý điều chỉnh, bổ sung Bộ chỉ số DDCI cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Tờ trình đề nghị UBND ban hành Kế hoạch khảo sát, đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Bình Định.

- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

* Số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết: không quy định

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: các sở, ban, ngành và địa phương

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính và các Sở, ban, ngành, địa phương.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt kết quả xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Bình Định

h) Phí, lệ phí: không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Có quyết định ban hành Kế hoạch khảo sát, đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Bình Định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020;

- Quyết định số 5399/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Bình Định;

- Công văn số 2570/UBND-KSTT ngày 11/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao nhiệm vụ xây dựng Bộ chỉ số Đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh (chỉ số DDCI).
